

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST  
Ngày: 06/7/2022  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản, yêu cầu thực hiện  
nghĩa vụ do người chết để lại

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Bảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tấn Đê

Bà Hồ Thị Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 6 và ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Trương Văn C**, sinh năm 1981 và bà **Trần Thị C1**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn:**

+ Ông **Lê Hoàng N**, sinh năm 1976

+ Bà **Lê Thị G**, sinh năm 1961

+ Bà **Lê Thị N1**, sinh năm 1973

+ Ông **Lê Văn H**

Cùng địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

+ Bà **Lê Thị Đ**

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Võ Thị H1**, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Ông C, bà C1, ông N, bà G, bà N1 có mặt tại phiên tòa; bà H1 xin vắng mặt; ông H, bà Đ vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, đồng nguyên đơn ông Trương Văn C và bà Trần Thị C1 cùng trình bày: Vào ngày 25/6/2018 ông Lê Văn Q cùng 03 người con là Lê Hoàng N, Lê Thị G, Lê Thị N1 có vay của vợ chồng ông bà số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất mỗi năm là 60.000.000 đồng và có thể chấp một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q. Sau đó họ có trả lãi 01 năm được 60.000.000 đồng rồi đến nay không trả.

Đến ngày 16/9/2018 và ngày 16/11/2018 ông N hỏi mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng, ngày 10/12/2018 ông N hỏi mượn thêm 100.000.000 đồng, ông N hỏi mượn 03 tháng nên vợ chồng ông bà không tính lãi.

Năm 2020 ông Q bệnh chết, các con ông Q đang canh tác trên phần đất của ông Q để lại, vợ chồng ông bà yêu cầu phải trả tiền lại nhưng ông N hèn nhiều lần mà không thực hiện. Nay vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu ông N, bà G, bà N1, ông H, bà Đ phải trả lại cho vợ chồng ông bà số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và lãi suất tạm tính theo lãi suất Ngân hàng nhà nước từ tháng 01/2019 âm lịch đến tháng 8/2021 âm lịch là 31 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc hiện nay vợ chồng ông bà đang giữ, không thể chấp cho tổ chức, cá nhân nào.

Ông bà xác định yêu cầu ông N, bà G, bà N1, ông H, bà Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền vì khi vay có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn Q. Ông bà yêu cầu bị đơn trả một lần, không đồng ý cho trả dần và yêu cầu tính theo mức lãi suất của Nhà nước đến khi xét xử. Khi nào phía bị đơn trả xong tiền thì ông bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

\* Bị đơn ông Lê Hoàng N trình bày: Ông thừa nhận ông có ký tên trong Giấy thế chấp quyền sử dụng đất cho vay lấy lãi ngày 25/6/2018 âm lịch và từ

giấy có thể hiện nội dung “...ngày 10/12/2018al tôi Lê Hoàng N sinh năm 1976 có mượn của bà Trần Thị C1 100.000.000đ...”. Ông là người viết những tờ giấy này. Cha ông là ông Lê Văn Q, chị là Lê Thị G, Lê Thị N1 cũng có ký tên trong giấy thế chấp. Nay vợ chồng ông C, bà C1 khởi kiện thì ông có ý kiến như sau:

- Đối với số tiền 200.000.000đồng theo Giấy thế chấp quyền sử dụng đất cho vay lấy lãi ngày 25/6/2018 âm lịch thì ông đồng ý trả số tiền 200.000.000đồng nhưng xin trả dần thành 04 lần, mỗi lần 50.000.000đồng, 06 tháng trả một lần. Ông xin vợ chồng ông C giảm bớt lãi, nếu không được thì yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 200.000.000đồng gồm các lần vay ngày 16/9/2018, ngày 16/11/2018 và ngày 10/12/2018 âm lịch thì ông xin vợ chồng ông C không tính lãi vì hai bên không có thỏa thuận tính lãi. Khi nào ông trả hết số tiền 200.000.000đồng theo giấy thế chấp quyền sử dụng đất thì xin trả 200.000.000đồng này thành 05 lần, mỗi lần 40.000.000đồng, 06 tháng trả một lần vì hiện tại hoàn cảnh gia đình ông cũng rất khó khăn.

Ông xác định ông Q, bà G, bà N1 có ký tên trong giấy thế chấp, các anh em còn lại gồm ông H, bà Đ đã có gia đình ra ở riêng, không biết việc thế chấp và nợ này. Ông xác định số tiền 200.000.000đồng theo Giấy thế chấp quyền sử dụng đất cho vay lấy lãi ngày 25/6/2018 âm lịch là nợ chung của ông, bà N1, bà G và ông Q vì cùng nhau ký tên, còn tiền là do ông nhận một phần lo bệnh cho cha, một phần chi xài vì ông là con trai út, sống với cha. Quyền sử dụng đất ông Q chết để lại các anh chị em chưa chia. Bà G, bà N1 hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả nợ, ông sẽ chịu trách nhiệm đối với khoản nợ này.

Đối với số tiền 200.000.000đồng còn lại của các lần vay ngày 16/9/2018, ngày 16/11/2018 và ngày 10/12/2018 âm lịch thì đây là nợ riêng của ông, ông chưa có vợ con và cũng không liên quan gì đến các anh chị em của ông.

\* Bị đơn bà Lê Thị N1 trình bày: Bà thừa nhận có ký tên trong Giấy thế chấp quyền sử dụng đất cho vay lấy lãi ngày 25/6/2018 âm lịch, tổng số tiền mà bà ký nợ với vợ chồng bà C1 là 200.000.000đồng. Ông N nhận tiền một phần lo bệnh cho cha là ông Q, một phần chi xài vì ông N là con trai út, sống với cha. Nay vợ chồng bà C1 khởi kiện, ông N hoàn cảnh khó khăn nên bà có ý kiến cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 200.000.000đồng theo Giấy thế chấp quyền sử dụng đất cho vay lấy lãi ngày 25/6/2018 âm lịch thì bà đồng ý cùng ông N, bà G liên đới trả số tiền 200.000.000đồng nhưng xin trả dần thành 04 lần, mỗi lần 50.000.000đồng, 06 tháng trả một lần. Bà xác định cùng ông N, bà G liên đới trả, không yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ của từng người.

- Đối với số tiền 200.000.000đồng còn lại thì bà không có ký tên, đây là việc riêng của ông N, không liên quan đến bà và các anh chị em khác. Hoàn cảnh ông N khó khăn xin vợ chồng bà C1 không tính lãi và cho ông N trả dần.

\* Bị đơn bà Lê Thị G trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà N1, bà thừa nhận có ký tên trong Giấy thế chấp quyền sử dụng đất cho vay lấy lãi ngày 25/6/2018 âm lịch, tổng số tiền mà bà ký nợ với vợ chồng bà C1 là 200.000.000 đồng. Bà cũng thừa nhận ông N nhận tiền một phần lo bệnh cho cha là ông Q, một phần chi xài vì ông N là con trai út, sống với cha. Nay vợ chồng bà C1 khởi kiện, ông N hoàn cảnh khó khăn nên bà có ý kiến như bà N1 xin trả dần thành 04 lần, mỗi lần 50.000.000đồng, 06 tháng trả một lần, không xác định được nghĩa vụ của từng người.

Đối với số tiền 200.000.000đồng còn lại thì bà không có ký tên, đây là việc riêng của ông N, không liên quan đến bà và các anh chị em khác. Hoàn cảnh ông N khó khăn xin vợ chồng bà C1 không tính lãi và cho ông N trả dần.

\* Bị đơn ông H, bà Đ vắng mặt, không có lời trình bày.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1 trình bày: Bà có thỏa thuận thuê của ông N phần đất khoảng 05 công tằm lớn tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang để nuôi tôm cua. Nay giữa ông N và ông C tranh chấp nợ vay với nhau thì bà không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến việc tranh chấp giữa họ. Trường hợp ông N không giao đất cho bà thì bà và ông N sẽ tự thương lượng, thỏa thuận với nhau hoặc tranh chấp bằng vụ án khác. Bà xin từ chối tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án giữa ông C và ông N, xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

#### **Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Nguyên đơn ông C, bà C1 yêu cầu bị đơn gồm ông N, bà G, bà N1, ông H, bà Đ cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền 200.000.000đồng theo Giấy thế chấp quyền sử dụng đất cho vay lấy lãi ngày 25/6/2018 và lãi suất theo

quy định của pháp luật. Khi nào phía bị đơn trả xong tiền thì ông bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với số tiền 200.000.000đồng ông N hỏi mượn thêm thì yêu cầu ông N có trách nhiệm trả, vợ chồng ông bà không yêu cầu tính lãi.

- Còn bị đơn ông N thừa nhận có nợ số tiền trên, đồng ý trả số tiền 200.000.000đồng vay ngày 25/6/2018 và lãi suất theo quy định. Đối với số tiền 200.000.000đồng hỏi mượn thêm thì ông đồng ý trả nhưng xin vợ chồng ông C không tính lãi suất. Hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả dần.

- Bà G, bà N1 yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông H, bà Đ vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự còn lại đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông C, bà C1 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông N trả lại số tiền vay; ngoài ra còn yêu cầu ông N, bà G, bà N1, ông H, bà Đ cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền do người chết để lại. Do đó theo Điều 463, Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3, 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

[2] Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông H, bà Đ vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H, bà Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H, bà Đ.

Bà Võ Thị H1 có lời trình bày, xin từ chối tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông C, bà C1 xin rút lại một phần yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 200.000.000đồng của các lần vay ngày 16/9/2018, ngày 16/11/2018 và ngày 10/12/2018. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất này của ông C, bà C1.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C, bà C1 yêu cầu bị đơn ông N, bà G, bà N1, ông H, bà Đ cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền 200.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, qua các biên bản ghi lời khai của đương sự, Giấy thế chấp quyền sử dụng đất cho vay lấy lãi ngày 25/6/2018 âm lịch, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa có đủ cơ sở để kết luận số tiền 200.000.000đồng theo Giấy thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/6/2018 âm lịch là nợ chung của ông N, bà N1, bà G và ông Q vì họ cùng ký tên. Mặt khác do các đương sự không xác định được nghĩa vụ theo phần riêng rẽ, còn ông Q đã chết nhưng có để lại tài sản là quyền sử dụng đất (tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang), tài sản này có giá trị đủ để thực hiện nghĩa vụ nên ông N, bà G, bà N1 cùng ông H, bà Đ phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền 200.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật theo Điều 288, Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Lãi suất mà các bên thỏa thuận là cao so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên phải được tính lại, cụ thể (ngày 25/6/2018 âm lịch nhằm ngày 06/8/2018 dương lịch) là 3 năm 11 tháng:

$200.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 03\text{ năm } 11\text{ tháng} = 156.666.000\text{ đồng}$   
(làm tròn)

Vợ chồng ông C đã nhận số tiền lãi một năm là 60.000.000đồng nên được trừ lại:  $156.666.000\text{ đồng} - 60.000.000\text{đồng} = 96.666.000\text{đồng}$ .

Tổng cộng số tiền mà ông N, bà G, bà N1 cùng ông H, bà Đ phải liên đới thực hiện nghĩa vụ là  $200.000.000\text{đồng} + 96.666.000\text{đồng} = 296.666.000\text{đồng}$ .

[5] Đối với số tiền 200.000.000đồng của các lần ông N vay thêm ngày 16/9/2018, ngày 16/11/2018 và ngày 10/12/2018 thì đây là nợ riêng của ông N. Ông C, bà C1 và ông N thống nhất xác định buộc ông N có trách nhiệm trả số tiền này. Tại phiên tòa ông N, bà N1, bà G xin trả dần mỗi lần 50.000.000đồng, 06 tháng trả một lần do hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên vợ chồng ông C, bà C1 không đồng ý cho bị đơn trả dần. Mặt khác, theo quy định Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của ông N, bà N1, bà G xin trả dần. Trường hợp bị đơn thực sự khó khăn, không có khả năng trả một lần thì có thể làm đơn đề cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[6] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Văn Q do Ủy ban nhân dân huyện An Minh cấp ngày 07/10/2003 tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Ông C, bà C1 và ông N, bà G, bà N1 thống nhất khi nào phía bị đơn trả xong tiền thì ông C, bà C1 sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C, bà C1.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Ông N, bà G, bà N1, ông H, bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 14.833.000đồng.

Ông N phải chịu án phí sơ thẩm là 10.000.000đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3, 14 Điều 26, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 468 và 615 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 200.000.000đồng của các lần vay ngày 16/9/2018, ngày 16/11/2018 và ngày 10/12/2018.

2- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Văn C, bà Trần Thị C1.

- Buộc ông Lê Hoàng N, bà Lê Thị G, bà Lê Thị N1, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Đ phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn C, bà Trần Thị C1 số tiền là 296.660.000đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trường hợp ông N, bà G, bà N1, ông H, bà Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì ông C, bà C1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Văn Q do Ủy ban nhân dân huyện An Minh cấp ngày 07/10/2003 tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Lê Hoàng N có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn C, bà Trần Thị C1 số tiền vay gốc là 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3- Về án phí sơ thẩm:

Ông N, bà G, bà N1, ông H, bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 14.833.000đồng (Mười bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Ông N phải chịu án phí sơ thẩm là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Ông C, bà C1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.720.000đồng (mười ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) theo lai thu số 0005054 ngày 25/10/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.



4. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Văn Bảnh**